

## **Gia đình nghèo ở nông thôn khu 4 cũ: thực trạng mức sống và nhu cầu**

TÔN THIÊN CHIẾU

Các chính sách phát triển kinh tế nông thôn, nông nghiệp trong thời gian vừa qua đã tháo gỡ những vướng mắc và tạo ra những tiền đề, điều kiện cho người nông dân phát huy được tiềm năng vốn có của mình. Song không phải ở đâu, người nào cũng có thể tận dụng được những điều kiện đó.

Bên cạnh những tiến bộ về mặt kinh tế thì một thực tế mới cũng đã diễn ra ở nông thôn. Đó là một bộ phận nông dân giàu lên mau chóng và ngược lại, một bộ phận khác lại thiếu ăn và nghèo đói. Đây là kết quả tất yếu của một nền kinh tế đang vận động theo cơ chế thị trường. Trong nền kinh tế thị trường, sự phân hóa giàu - nghèo là không tránh khỏi. Thừa nhận thực tế đó không có nghĩa là chúng ta bỏ mặc, không có các biện pháp giúp đỡ những người nghèo. Giúp đỡ, hỗ trợ cho người nghèo là điều hết sức cần thiết.

Làm gì để giúp đỡ các gia đình nghèo nói chung và người nghèo ở nông thôn nói riêng, nhất là ở các vùng nghèo khổ? Đây là một vấn đề nan giải đối với các nhà quản lí. Rõ ràng, để giải quyết được vấn đề này, chúng ta không chỉ đơn giản là trợ cấp theo từng thời kì, mà còn phải có những biện pháp xóa đói, nghèo tận gốc. Muốn vậy cần phải có những nghiên cứu, khảo sát thực trạng nghèo khổ cũng như những nguyên nhân dẫn đến nghèo khổ. Trên cơ sở những cuộc khảo sát như vậy chúng ta mới có những biện pháp tích cực phù hợp với khả năng của từng ngành, từng cấp giúp cho người nông dân tự mình “xóa đói giảm nghèo”. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ nêu ra thực trạng mức sống, nhu cầu, và lí do nghèo đói của các gia đình nông thôn khu 4 cũ. Các số liệu được trích dẫn dưới đây là kết quả khảo sát 875 gia đình nông dân tại 6 tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên - Huế, do Trung ương hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tiến hành vào tháng 11 - 1992.

### MỨC SỐNG CỦA CÁC GIA ĐÌNH NGHÈO NÔNG THÔN KHU 4 CŨ

#### **1. Sự phân hóa mức sống của các gia đình nông thôn khu 4**

Nói đến miền Trung và nhất là khu 4 chúng ta thường hình dung ra mảnh đất chịu nhiều thiên tai, mưa bão gió Lào, hạn hán và những cồn cát dài, đồi núi nhiều. Ở khu 4, ngoài những khắc nghiệt về thời tiết còn phải gánh chịu những hậu quả của chiến tranh: hệ thống giao thông khó khăn, cơ sở hạ tầng, các cơ sở công nghiệp, dịch vụ kém phát triển, số hộ gia đình thuộc diện chính sách khá lớn. Những cái đó đã ảnh hưởng đến sự phát triển của nông thôn khu 4 hiện nay. Khu 4 đã trở thành một vùng nghèo và có tỉ lệ hộ nghèo nhiều nhất so với các tỉnh đồng bằng và trung du nước ta. Song nói như vậy không có nghĩa là ở khu 4 chưa có sự phân hóa giàu nghèo. Theo số liệu điều tra 875 hộ ở các địa bàn kể trên, căn cứ vào sự tự đánh giá của các gia đình được điều tra và đánh giá lại của các điều tra viên, chúng ta có các nhóm mức sống sau:

Mức sống		Tỉ lệ % trong mẫu
Thừa ăn (sung túc)	I	4,2
Đủ ăn	II	49,4
Thiếu ăn	III	43,1
Nghèo đói	IV	3,2

Tỉ lệ này không đồng đều và có sự chênh lệch khá lớn giữa các địa phương được điều tra. Ví dụ mức sống thừa ăn tỉ lệ dao động từ 0% (Ngư Lộc - Thanh Hóa) đến 16,1% (ở Cảnh Dương - Quảng Bình) mà đây là hai xã ven biển làm ngư nghiệp là chính. Đối với nhóm hộ ở cuối thang bậc (nghèo khổ), tỉ lệ sự chênh lệch có giảm bớt từ 0% ở Quảng Bình và cao nhất 5,8% ở Thừa Thiên - Huế. Tỉ lệ hộ đủ ăn trở lên ở các điểm điều tra thuộc Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình dao động từ 58% đến 70%. Còn thiếu ăn thì Nghệ An có tỉ lệ cao nhất 77,5%.

Những số liệu trên cho thấy, trung bình có gần 1/2 số hộ ở nông thôn các tỉnh khu 4 cũ rơi vào diện thiếu ăn hay nghèo đói. Thiếu ăn ở mức nào, và nghèo khổ như thế nào, dưới đây chúng ta sẽ xem xét. Một điều đáng lưu ý là theo kết quả điều tra có quy mô lớn của Trung tâm dân số và Nguồn lao động tiến hành 1942 - 1993 cũng đưa ra những con số tương tự và tỉ lệ nghèo khổ ở các tỉnh miền Trung: 34,5 - 37%, thuộc diện nghèo kinh niên (thu nhập quy gạo dưới 15 kg/người tháng) và 4,8% - 11% thuộc diện "đói kinh niên" (mức 8 kg/người tháng). Thực tế trên là một điều cần được xem xét và lưu ý đối với mảnh đất khu 4 cũ, bởi vì chúng ta đang chủ trương "xóa đói, giảm nghèo".

Nhìn vào số liệu ở bảng trên, chúng ta thấy tỉ lệ ở nhóm đáy và nhóm đỉnh rất thấp. Song đi sâu vào phân tích mức sống của hai nhóm này sẽ rất thấy có khoảng cách rất xa. Lấy nhà ở làm ví dụ 90% gia đình thuộc nhóm I (thừa ăn) đều ở trong nhà xây (mái ngói hoặc mái bằng, khoảng 70% có đủ cả 3 công trình vệ sinh (nhà tắm, nhà xí, giếng). Còn ở nhóm IV (nghèo khổ) có 72,6% gia đình đang ở trong các nhà tranh tre, hoặc nhà tạm.

## 2. Đời sống vật chất và tinh thần của các gia đình nghèo ở nông thôn khu 4.

Trong bài viết này chúng tôi tạm gọi các gia đình nghèo là các gia đình thiếu ăn từ 1 tháng trở lên (thuộc nhóm III và IV ở bảng trên). Thiếu ăn là dấu hiệu nổi bật của sự nghèo khổ ở nông thôn. Trong 46,6% các gia đình thuộc diện nghèo khổ 408 hộ, chỉ có 59,0% thiếu ăn dưới 3 tháng; còn nữa là từ 4 tháng trở lên (chi tiết xem bảng sau).

*Số tháng thiếu ăn của các gia đình nghèo:*

- Số tháng thiếu ăn	1	2	3	4	5	6	7	8
- Tỉ lệ số hộ (%)	4: 6	25,3	29,1	20,8	9,3	9,3	1,5	5,4

Tình trạng thiếu ăn như vậy, không chỉ ảnh hưởng đến khẩu phần ăn của người lớn, mà còn ảnh hưởng đến khẩu phần ăn của trẻ em. Chúng ta xem chi tiết khẩu phần ăn (ngoài lương thực) một số chất cần cho sự phát triển của trẻ nhỏ (dưới 6 tuổi)...

	Ăn hàng ngày		Tuần 1 - vài bữa		Tháng 1 - vài bữa		Giỗ tết mới có	
	1	2	1	2	1	2	1	
Thịt	23,3	3,0	53,3	20,0	23,3	37,0	0	40,0
Cua, cá	74,2	25,0	16,1	34,5	9,7	31,5	0	8,2
Trứng	17,0	4,5	64,0	32,4	16,0	42,3	4,0	20,7
Hoa quả	43,3	11,8	50,0	36,4	6,7	39,2	0	12,5

1- Nhóm sung túc

2- Nhóm nghèo

Nếu như ở đồng bằng Bắc Bộ đất chật người đông, việc trồng trọt cây ăn quả trong vườn gặp nhiều khó thì đối với các tỉnh khu 4, đất vườn không phải là ít thế là có đến trên 50% các cháu nhỏ thuộc nhà nghèo phải một tháng trở lên mới được nếm vị trái cây. Điều này cũng thể hiện các gia đình nghèo ở khu 4 chưa có kinh nghiệm trong việc sử dụng đất vườn, làm V.A.C, trồng cây trái ăn quả. Hoặc có trồng được thì sản phẩm trái cây được đem ra chợ đổi lấy tiền để chi dùng cho nhu cầu khác bức thiết như: thóc, gạo, lương thực. Một sản phẩm khác thường có ở các gia đình nông thôn là trứng gà, song có đến 63% các cháu nhỏ trong gia đình nghèo phải một tháng trở lên mới biết hương vị của nó.

Với những chỉ số dinh dưỡng như trên, rõ ràng tỉ lệ suy dinh dưỡng của các cháu nhỏ thuộc các gia đình nghèo là rất cao. Chỉ theo sự tự nhận thức của người mẹ có con dưới 6 tuổi chứ chưa phải qua kiểm tra của Y tế đã có 40% các bà mẹ thuộc gia đình nghèo biết con mình suy dinh dưỡng. Con số này còn ít rất nhiều so với thực tế, bởi vì suy dinh dưỡng không phải là một bệnh cấp tính dễ dễ dàng bà mẹ nhận ra được ngay. Phải suy dinh dưỡng đến một độ nào đó người mẹ mới có thể nhận ra.

Đối với khu 4, hàng năm hứng chịu những trận mưa bão nhiệt đới, nhà ở luôn luôn là một chỉ báo quan trọng phản ánh mức sống của gia đình (sau chỉ báo liên quan đến "ăn"). Theo kết quả điều tra tính chung có 63,3% hộ có nhà xây (mái bằng hoặc lợp ngói), số hộ còn lại phải sống trong các ngôi nhà tranh tre, tạm bợ.

Loại nhà ở:

	Sung túc	Đủ ăn	Thiếu ăn	Nghèo đói	%
Kiên cố	91,5	70,9	55,5	26,9	
Bán kiên cố	2,9	8,0	10,9	7,7	
Nhà tranh	0	15,0	22,3	30,8	
Nhà tạm	5,7	5,8	11,1	34,6	

Qua bảng trên cho ta thấy sự chênh lệch rõ nét giữa nhóm hộ sung túc và nghèo đói.

Ở một vùng hàng năm thường xuyên bị bão lụt uy hiếp, những chỉ số về nhà ở của nhóm hộ thiếu ăn và nghèo đói cho ta thấy sự nghèo khổ của các gia đình này là như thế nào. Khi bị một cơn bão mạnh đổ vào thì chính những ngôi nhà tạm sẽ bị đổ chứ không phải ngôi nhà kiên cố. Người nghèo luôn luôn bị thiệt thòi nhiều hơn và chính vì thế họ càng khó thoát ra cảnh nghèo nếu không có sự trợ giúp, những nỗ lực của chính sách và các biện pháp đặc biệt.

Liên quan đến nhà ở, các công trình phục vụ sinh hoạt và đời sống như: giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh. Số liệu thu được qua cuộc điều tra cho thấy tỉ lệ các gia đình nghèo có các công trình này như sau:

Giếng	56,6% (sung túc 86,5%)
Nhà tắm	14,1% (sung túc 64,9%)
Nhà vệ sinh	16,6% (sung túc 75,7%).

Các con số này không chỉ nói lên cái nghèo của đời sống vật chất mà còn nói lên cái nghèo của văn hóa ở các gia đình nghèo miền Trung. Nhà tắm phục vụ cho việc bảo vệ sức khỏe của phụ nữ, trẻ em mà chỉ có 14,1% gia đình nghèo có. Nếu chỉ tính riêng cho nhóm

nghèo đói (nhóm IV) thì chỉ có 7,1% gia đình có. Rõ ràng là cái nghèo đã quy định đời sống văn hóa của người nghèo nông thôn.

Một chỉ báo quan trọng khác phản ánh đến mức sống là các trang thiết bị đồ dùng thông thường trong gia đình như: xe máy, xe đạp, radio, ti vi, bàn ghế, tủ... Khác với nông thôn miền Bắc (đồng bằng và trung du Bắc Bộ), tỉ lệ các hộ ở khu Bốn cũ có các tiện nghi này rất ít, còn nói đến hộ nghèo đói thì các chỉ số này gần như là quá thấp. Bảng sau đây cho ta thấy thực trạng của các đồ dùng trong nông thôn khu 4 cũ.

Loại đồ dùng	Tỉ lệ hộ có	%	
		Hộ sung túc có (nhóm I)	Hộ nghèo có (nhóm 3+4)
Xe đạp	61,5	62,2	48,5
Bàn ghế	39,0	70,3	17,6
Tủ	43,6	81,1	24,3
Radio	29,3	64,0	12,0
Tivi	2,1	4,7	0
Xe máy	2,6	9,4	0

Các con số trên phản ánh cho toàn cuộc điều tra, song dao động rất mạnh tùy theo từng địa phương. Ví dụ xe đạp cao nhất ở Quảng Trị 83,4% thấp nhất ở Thanh Hóa 23%. Còn Radio cao nhất ở Quảng Bình 66,7% và thấp nhất Thừa Thiên - Huế 13,6%.

Một thực tế dễ thấy qua các con số ở trên là: tỉ lệ hộ gia đình có được các đồ dùng này rất thấp. Ngay như xe đạp, một phương tiện giao thông đồng thời là một công cụ lao động đơn giản nhất của mỗi gia đình, tương như nhà nào cũng có, song ở nông thôn khu 4 chỉ mới có 61,5% gia đình có, ở nhóm nghèo khổ (IV) thì chỉ 25% gia đình có.

Nếu như đời sống vật chất của các gia đình nghèo nông thôn khu 4 đã thiếu thốn, kham khổ, thì đời sống văn hóa, tinh thần của họ càng nghèo nàn hơn. Các con số sau đây cho ta thấy rõ điều này. Có 88,6% phụ nữ không đọc báo, 70% không nghe đài và 74% không xem ti vi. Trong thời buổi làm ăn kinh tế hiện nay, không tiếp xúc với thông tin là một điều thiệt thòi lớn đối với người nông dân nghèo. Không tiếp xúc được với thông tin có nghĩa là họ không nắm được thông tin về thị trường, kinh nghiệm sản xuất, các kiến thức khoa học mới về sản xuất và chăm lo sức khỏe... Người nông dân vẫn làm ăn, chăm sóc sức khỏe cho bản thân, cho trẻ nhỏ theo kinh nghiệm của cá nhân mình. Không nắm được thông tin kinh tế sản xuất thì làm sao họ có khả năng thâm canh, gối vụ, biết lựa chọn cây, con nào có năng suất cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Kinh tế thị trường luôn đòi hỏi người sản xuất phải biết thông tin, đưa kĩ thuật vào sản xuất để đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Chỉ có như vậy hiệu quả sản xuất mới cao, mới cải thiện được cuộc sống, thoát cảnh đói nghèo. Chính sự nghèo khổ, thiếu vốn kết hợp với thiếu thông tin (kinh nghiệm, khoa học) nên các dự định sản xuất của những gia đình nghèo chỉ tập trung vào chăn nuôi và làm ruộng mà ít có dự định thoát ra khỏi nông nghiệp thuần túy, hoặc hoàn toàn không có dự định gì (16%). Tỉ lệ hộ nghèo đói có hướng phát triển sản xuất thủ công nghiệp hoặc buôn bán dịch vụ rất thấp (dưới 4%).

### 3. Giải quyết thiếu ăn và vay mượn của các gia đình nghèo

Ở phần trên chúng ta đã nêu lên thực trạng mức sống vật chất và tinh thần của các gia đình nghèo nông thôn khu 4. Còn rất nhiều chỉ báo khác để chỉ ra mức độ nghèo khổ của họ như: công cụ sản xuất, hưởng thụ nghệ thuật, vì sao con bỏ học... Một câu hỏi đặt ra cho chúng ta: "Những tháng thiếu ăn đó họ giải quyết bằng biện pháp gì?"

Theo cách trả lời của các hộ gia đình nghèo (nhóm III + IV) một số biện pháp chính để khắc phục lúc thiếu đói là:

1. Đi vay	46,5% gia đình trả lời
2. Đi làm thuê	9,1%
3. Vừa vay mượn vừa làm thuê	15,9%
4. Bớt khẩu phần ăn	5,7%
5. Vừa vay mượn vừa bớt khẩu phần	6,5%

Nhìn chung các "phương án" giải quyết đều mang tính *tạm thời, bị động và tiêu cực*.

Cao nhất là trông cậy vào vay mượn (74,2%), tức là dựa vào các quan hệ giúp đỡ lẫn nhau trong nội bộ cộng đồng thân tộc. Điều này làm nổi rõ vai trò của các quan hệ cộng đồng đối với các hộ nghèo đói, một truyền thống vốn có ở các vùng nhiều gian khổ như miền Trung. Song vay để ăn không phải là một biện pháp hữu hiệu, bởi vì ở một vùng nghèo khổ như khu 4, số hộ có dư thừa để cho láng giềng vay đã là điều khó, trả được nợ đi vay còn khó hơn. Theo số liệu của một cuộc điều tra khác, trong số các hộ nghèo phải đi vay năm 1992 thì chỉ có 44% đã trả được nợ, 30,6% trả được một phần và 25,4% chưa trả được tí nào.

Phương án "giảm bớt khẩu phần ăn" có lẽ là cách giải quyết tiêu cực nhất và quẫn bách nhất. Nó cho thấy sự bết tắc của các hộ gia đình nghèo đói nông thôn khu 4 cũ (21% hộ gia đình nghèo đã chọn cách này). Điều này cần tìm ra giải pháp khắc phục đặc biệt đối với các gia đình có trẻ nhỏ và phụ nữ trong độ tuổi nuôi con nhỏ.

Phương án "đi làm thuê" mang ít nhiều tính tích cực hơn. Song do đặc điểm của nông thôn khu 4 cũ nói riêng và khu 4 cũ nói chung sự phân hóa giàu nghèo chưa thật rõ, các hoạt động phi nông nghiệp, ngành nghề chưa mở rộng nên phương án này mới chỉ có 33,3% số gia đình nghèo thực hiện.

Cách giải quyết khắc phục thiếu ăn ở mỗi địa phương, mỗi nhóm có phương thức khác nhau. Ví dụ ở xã Ngự Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa thì 80,7% hộ thiếu ăn cho đi vay mượn, trong khi đó ở Vĩnh Chát, Quảng Trị thì phương thức làm thuê lại cao nhất (45%). Nhóm tuổi trẻ (dưới 31) thường thích đi làm thuê kiếm sống hơn là vay mượn.

Ngay trong nhóm nghèo cách giải quyết của nhóm thiếu ăn và nghèo đói cũng khác nhau. Nhóm thiếu ăn giải quyết chủ yếu bằng vay mượn và làm thuê, song nhóm nghèo đói thì coi trọng làm thuê hơn là vay mượn, có lẽ do không dám vay mượn hoặc ít có người cho vay vì sợ không trả được. Đã nghèo lại càng khó thoát ra cảnh nghèo, nghèo lại càng nghèo thêm, vay mượn là một giải pháp quan trọng cho các hộ nghèo để trụ qua được lúc thiếu đói. Tính ra có 82,8% hộ nghèo đã phải đi vay trong năm 1992. Theo từng nhóm nhỏ trong nhóm nghèo ta có nhóm III: 83,8%, nhóm IV: 67,9%. Những con số này khẳng định kết luận mà ta vừa nêu ra, quá nghèo thì không dám đi vay, hoặc không ai cho vay. Một thực tế khác khá phổ biến, đã nghèo đi vay thường phải chịu lãi, trong khi đủ ăn thừa ăn lại ít phải chịu lãi hơn, ngay cả vay bà con họ hàng, chứ chưa phải vay người khác (xem bảng sau)

Vay phải trả lãi trên số hộ đi vay.

	Bà con họ hàng	Người khác
Đủ ăn	16,4%	65%
Nghèo đói	30,0%	100%

Khác với các gia đình đủ ăn hoặc sung túc, các gia đình nghèo đi vay trong năm qua chủ yếu là vay để ăn, chỉ có một phần ít là vay cho đầu tư vào sản xuất (13,4%). Trong khi đó các nhà khá giả đi vay chủ yếu đầu tư sản xuất (90% trên số hộ sung túc đi vay) hoặc vay để xây dựng nhà ở, mua đồ dùng gia đình. Hầu như không gia đình nghèo nào vay để mua sắm trang thiết bị gia đình.

Có 3 nguồn để cho các gia đình nông thôn vay là Nhà nước (Ngân hàng, Dự án, Tín dụng), họ hàng anh em và người cùng xã. Có khoảng 1/2 số gia đình nông thôn trọng năm vay mượn bà con họ hàng còn lại 1/4 vay nhà nước và 1/4 vay người khác. Chỉ số trên lần nữa không định *quan hệ cộng đồng thân tộc* trong việc giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Đây là mặt tích cực trong lối sống cộng đồng, hơn thế nữa khi được vay ở họ hàng thì rất ít phải trả lại, còn các nguồn khác hầu như phải trả lãi.

Vai trò của nhà nước trong việc giúp đỡ nông dân nghèo khu 4 vay vốn như thế nào? Trong số các gia đình thuộc mẫu được vay vốn Nhà nước trong năm có: 3% thuộc các hộ thừa ăn; 34,8% là các hộ đủ ăn; 59,3% là các hộ thiếu ăn và 3% là các hộ nghèo đói. Những con số trên cho ta rút ra một điều: Nhiều khi một chính sách xã hội tích cực với phương châm trợ giúp người nghèo, song trên thực tế lại không đến các hộ không quá nghèo, đủ ăn và khá giả. Thực tế của nhiều dự án quốc tế giúp đỡ người nghèo cũng xảy ra tương tự.

## II. NGUYÊN NHÂN NGHÈO KHỔ CỦA CÁC GIA ĐÌNH NGHÈO

Ngoài các yếu tố khách quan như đất đai, thời tiết khí hậu khắc nghiệt, bị chiến tranh tàn phá nặng nề chưa hàn gắn được cộng thêm cơ sở hạ tầng chưa phát triển, giao thông khó khăn, cơ sở công nghiệp trong vùng còn non yếu thì nguyên nhân chủ quan của chính người nông dân cũng góp một phần đáng kể. Mỗi gia đình một hoàn cảnh, các nguyên nhân dẫn đến nghèo đói của mỗi gia đình cũng khác nhau. Ở đây chúng tôi chỉ muốn đưa ra một vài nhận xét rút ra từ các số liệu thu được qua cuộc điều tra.

*Về đặc điểm nhân khẩu xã hội.* Các gia đình nghèo là các gia đình hiện đang có số con dưới 16 tuổi khá cao. 57% gia đình nghèo có từ 3 cháu nhỏ dưới 16. Số lần sinh đẻ của cả gia đình này cũng cao hơn hẳn các gia đình khác; 68% phụ nữ nghèo đẻ từ 3 con trở lên, trong khi con số đó ở các gia đình khác chỉ là 56%. Người vợ, người chủ của gia đình, một trong hai trụ cột chính thì trình độ học vấn của họ chủ yếu là cấp I hoặc biết đọc biết viết, số có học vấn cấp II là rất ít. Điều này đã cản trở phần nào sự tiếp nhận kinh nghiệm, khoa học kỹ thuật sản xuất. Một lý do tuy không phổ cập song cũng có ảnh hưởng đến khả năng sản xuất của các gia đình này là, sự thiếu vắng người chồng, trụ cột của gia đình. Gần 20% gia đình nghèo là gia đình chỉ có người vợ là trụ cột (người chồng hoặc hy sinh hoặc li thân... Có lẽ đây là một đặc điểm riêng của khu 4, nơi đầu cầu của chiến tranh chống Mỹ. Một lý do nữa là nguyên nhân song vừa là hậu quả của sự nghèo khổ chính là sức khỏe của chính bản thân người phụ nữ, 44% phụ nữ nghèo mắc các bệnh kinh niên (con số này ở các phụ nữ khác là 24%).

*Về mặt kinh tế xã hội,* vấn đề thiếu đất đai không phải là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nghèo khổ ở các tỉnh miền Trung. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự nghèo khổ ở khu 4 cũ chính là độc canh trồng trọt, ít có thêm các nghề phụ. Với các tỉnh miền Trung, chịu

ảnh hưởng thường xuyên của bão lụt hàng năm, mà chỉ trông chờ vào sản xuất nông nghiệp là khó có thể đảm bảo cuộc sống vật chất. Theo số liệu điều tra tỉ lệ các gia đình có làm các ngành nghề phi nông nghiệp hoặc ngoài nghề chính của mình (đánh cá, làm muối) là rất ít. Chẳng hạn ở một làng ngư nghiệp ở Thanh Hóa, có 80% người phụ nữ coi nội trợ là nghề chính của mình, 16% chịu trách nhiệm bán sản phẩm của chồng đánh bắt được, 3% coi việc đan vá lưới là nghề chính. Nghề phụ của những người đó là gì? Thực tế họ làm nhiệm vụ đem sản phẩm của chồng làm được (cá đánh được) ra chợ bán. Với ưu thế của nghề đánh cá có ăn thức ăn chăn nuôi (cá nhỏ hoặc chượp cá) mà tỉ lệ hộ ở điểm điều tra Thanh Hóa có chăn nuôi lợn cũng rất ít, 98% không có thu nhập từ chăn nuôi.

Ngành nghề thủ công, dịch vụ, buôn bán cũng đem lại một phần thu nhập, góp phần nâng cao đời sống của gia đình. Song do đặc thù của khu 4 cũ dẫn đến các ngành nghề phi nông nghiệp không phát triển. Những số liệu sau đây đã cho ta thấy rõ điều đó. Tỉ lệ các hộ không có các thu nhập từ ngành nghề (ngoài nghề chính ở các tỉnh như sau: Thanh Hóa 87%, Nghệ An 96,7%, Hà Tĩnh 87,4%, Quảng Trị 86,7%...) Những số liệu về thu nhập từ ngành nghề cũng cho ta đưa ra một kết luận: ở địa phương nào có ngành nghề phát triển thì ở đó đời sống khá giả hơn; tỉ lệ hộ nghèo đói giảm hẳn. Ví dụ ở xã Cảnh Dương Quảng Bình, 80% gia đình có thu nhập từ ngành nghề thì tỉ lệ hộ nghèo chỉ chiếm 13,4% trong khi đó ở Nghệ An, tỉ lệ gia đình không có thu nhập từ ngành nghề là 96,7% thì số gia đình nghèo chiếm 82,8%. Những khảo sát xã hội học ở các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc bộ cũng đã chứng minh điều này: Gia đình nghèo thường là các gia đình thuần nông hoặc đơn nghề. Một lý do nữa khiến cho các gia đình đó nghèo là chưa tận dụng hết khả năng hoặc chưa biết làm kinh tế VAC (vườn, ao, chuồng hoặc đồi). Trên 95% các gia đình được điều tra không có thu nhập từ hoa quả. Các gia đình có thu nhập từ hoa quả đều thuộc các gia đình sung túc hoặc đủ ăn.

Xét trên cùng 2 chỉ báo: *thu nhập ngành nghề* và *chăn nuôi* cho thấy rõ một khối tương quan rất rõ giữa sự giàu - nghèo với mức độ phát triển các loại hình nghề nghiệp khác ngoài trồng lúa. Các gia đình nào khá giả, giàu có lên chủ yếu đều phát triển chăn nuôi, ngành nghề phi nông nghiệp và ngược lại, vì phát triển được chăn nuôi ngành nghề mà giàu có lên được. Độc canh cây lúa, đặc biệt trong điều kiện của khu 4 cũ là rất khó vượt qua ngưỡng đủ ăn. Đối với các hộ nghèo thì vòng luẩn quẩn: không có khả năng phát triển chăn nuôi, ngành nghề vừa là kết quả vừa là nguyên nhân, của sự nghèo khổ.

*Về mặt tâm lý:* Đức tính chịu khổ giỏi của người dân miền Trung và nhất là các gia đình nghèo đã cản trở phần nào sự chịu khó vươn lên trong sản xuất. Hơn thế nữa ở nông thôn khu 4 cũ cũng chưa thật sự có những hộ giàu nổi trội, nên chưa tạo ra được những động lực thúc đẩy người dân vượt lên. Chủ nghĩa bình quân đã không tạo ra cho mỗi người câu hỏi "Vì sao ta lại nghèo hơn họ?", để từ đó vươn lên. Nhận định này của chúng tôi rút ra được từ các con số khi trả lời cho câu hỏi: Cách giải quyết những tháng thiếu ăn? 33,2% gia đình có đi làm thuê, 29,7% giảm khẩu phần ăn, trên 75% đi vay hoặc chờ trợ cấp.

### III- NHU CẦU CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN NGHÈO KHU 4 HIỆN NAY.

Ở một vùng không mấy thuận lợi, các hộ gia đình nông thôn đang phải đương đầu với nhiều khó khăn khác nhau, để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống "xóa đói giảm nghèo" không thể chỉ từ bàn tay trắng.

Vậy trong sản xuất các gia đình nông thôn khu 4 cũ đang gặp phải khó khăn gì? Bảng sau cho ta thấy được những khó khăn mà họ gặp phải:

	%	
	Chung	Xóm nghèo
1- Thiếu vốn	87,8	91,2
2- Công cụ (cũng là vốn)	28,6	25,4
3- Thiên tai đe dọa	23,1	24,4
4- Thiếu lao động	19,8	23,8
5- Tiêu thụ sản phẩm	3,5	0

Đứng đầu trong các khó khăn gặp phải là thiếu vốn, trên 80% (nhóm nghèo trên 90%). Một khi đã nghèo tức là thiếu tiền, thiếu gạo, không vấn đề phát triển sản xuất. Trong điều kiện hiện nay, khi mà người nông dân phải lo toan toàn bộ các đầu vào cho sản xuất, thì vốn càng trở nên quan trọng đối với nông dân, nhất là các gia đình nghèo. Các tiềm năng thâm canh, phát triển chăn nuôi, mở rộng ngành nghề phi nông nghiệp đòi hỏi trước hết cần có vốn đầu tư, công cụ và kỹ thuật.

Cũng do thiếu vốn kết hợp với trình độ phát triển sản xuất còn thấp nên hầu hết các gia đình nông thôn khu 4 vẫn định hướng chính vào phát triển kinh tế trong khuôn khổ chăn nuôi và trồng trọt. Hai nghề này vừa đòi hỏi ít vốn vừa ít cần kinh nghiệm. Do sự bấp bênh của trồng trọt (chịu ảnh hưởng nhiều của thời tiết, khí hậu), cộng với giá trị hàng hóa và giá trị khác của chăn nuôi cao hơn cho nên tỉ lệ hộ định hướng vào chăn nuôi cao nhất, hơn hẳn cả thâm canh cây lúa (66% cho toàn bộ và 69% ở nhóm hộ thiếu ăn). Các hộ nghèo hầu như không có dự định mở ra các ngành nghề phi nông nghiệp (46%). Đặc biệt ở nhóm nghèo thì có tới 16% hộ không có dự định gì (nhóm 3: 15%, nhóm 4: 33%) nói lên tình thế "cái khó bó cái khôn" ở nhóm hộ này. Nguyên nhân chính của những người không có dự định chính là thiếu vốn (80%), thiếu lao động (17%).

Tất cả những điều đã trình bày ở trên cho thấy một logic chủ đạo hay là vòng tròn huân quần của sự nghèo đói đó là:

*Thiếu vốn, thiếu lao động dẫn đến nghèo đói, muốn phát triển sản xuất, cải thiện cuộc sống phải cần vốn.*

Logic này được phản ánh lại khi đề cập đến nhu cầu cấp bách của các hộ gia đình nông thôn. Khoảng 60% các hộ gia đình ở tất cả các nhóm đều nêu lên vốn là nhu cầu số một cho sản xuất và đời sống. Đặc biệt ở nhóm nghèo nhu cầu vay vốn rất cao: 85,6%. Con số muốn vay vốn dao động từ Quảng Bình thấp nhất 61% đến cao nhất ở Nghệ An 93,8%.

Ở đây vấn đề vay vốn có quan hệ mật thiết với những khó khăn trong sản xuất (87,8% nêu khó khăn về vốn). Bên cạnh đó thiếu vốn cũng ảnh hưởng đến việc cải thiện điều kiện ở như tự sửa xây mới nhà ở và các công trình phụ.

Nhu cầu thứ hai, tuy rằng không được chính người dân nói ra, song qua số liệu đã cho chúng ta thấy, đó là kiến thức. Kiến thức ở đây không chỉ đơn thuần là tri thức và kinh nghiệm sản xuất mà còn cả sự hiểu biết về thị trường, sự hiểu biết về chăm sóc sức khỏe ban đầu cho bà mẹ và trẻ em... Có kiến thức về sản xuất, về thị trường thì đồng vốn được trao cho mới sử dụng có hiệu quả: thúc đẩy sản xuất, cải thiện đời sống của chính bản thân gia đình.

Đáp ứng được hai nhu cầu cơ bản nói trên, chẳng những chúng ta giúp họ vượt qua khó khăn trước mắt mà còn giúp họ tự mình "xóa đói, giảm nghèo" về sau.



**KẾT LUẬN:**

1. Khu 4 là mảnh đất kiên cường trong chiến tranh, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, song hiện nay là khu vực nghèo có tỉ lệ gia đình nghèo khổ cao. Mức sống vật chất và tinh thần còn rất thấp, đặc biệt các điều kiện sống có liên quan đến phụ nữ, trẻ em (công trình phụ, nhà tắm, vệ sinh nguồn nước) còn rất kém. Vì thế bên cạnh việc quan tâm phát triển sản xuất cần phải quan tâm thích đáng đến việc nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân nói chung và phụ nữ trẻ em nói riêng.

2. Khó khăn về vốn và sự đe dọa của thiên tai đang là khó khăn hàng đầu cho sản xuất ở khu Bốn, nhất là các hộ nghèo.

3. Định hướng phát triển sản xuất phản ánh trình độ sản xuất còn thấp, chưa có những tiền đề, điều kiện cho sự phát triển nông thôn, nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa. Nhà nước nên có chính sách phát triển kinh tế vùng này như: mở mang công nghiệp, cải thiện, nâng cấp hệ thống giao thông để thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển.

4. Nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất cải thiện đời sống của các gia đình nghèo là cấp bách. Song phải đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao kiến thức cho họ để họ sử dụng đồng vốn có hiệu quả hơn.

5. Việc tuyên truyền kiến thức cho người nghèo, cần có biện pháp và kênh truyền thông thích hợp. Vì do nghèo mà hầu như các kênh truyền thông đại chúng: đài, báo, ti vi ít đến được với họ. (Ví dụ: Chương trình kế hoạch hóa gia đình mà chúng ta đưa đã thực hiện hàng 10 năm qua mà chỉ có 17% phụ nữ nghèo ở các điểm khảo sát biết được qua đài, báo, ti vi)

“Xóa đói, giảm nghèo” yêu cầu một sự nỗ lực đồng bộ của các cấp các ngành và của chính cả người dân. Chỉ có sự nỗ lực như vậy mới có khả năng làm cho nông thôn khu 4 tiến kịp với mức sống và sự phát triển của các vùng khác trong cả nước.